

Số: /TB-UBND

Thọ Xuân, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án: Khu dân cư và dịch vụ công cộng
thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá: số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2023; số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng trên địa bàn tỉnh đợt 3, năm 2024; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất trồng rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hoá: số 2187/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư và dịch vụ công cộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá; số 2765/QĐ-UBND ngày 02/08/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thọ Xuân; số 1130/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Thọ Xuân; số 63/2024/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện tại Tờ trình số 83/TTr-HĐBT ngày 13/02/2025; phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-TNMT ngày 13/02/2025.

Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất tại thị trấn Thọ Xuân:

Địa chỉ tại: Khu Phố Đồng Thôn, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Khu dân cư và dịch vụ công cộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.

3. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: **108.143,5 m²**, chi tiết như sau:

TT	Người đang sử dụng đất	Địa chỉ (Khu phố)	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất theo hiện trạng đo đạc
1	UBND thị trấn Thọ Xuân		17	268	62778	395.5	DGT
2	UBND thị trấn Thọ Xuân		17	339	184.7	88.8	DTL
3	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	31	254.1	162.0	LUC
4	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	41	390.6	390.6	DGT
5	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	47	913.1	180.8	DTL
6	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	60	4496.9	625.1	DGT
7	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	63	218.1	149.4	DTL
8	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	86	113.2	27.6	DTL
9	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	87	3577.2	1060.5	DGT
10	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	95	2037	2014.5	DGT
11	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	106	447.6	443.6	DTL
12	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	108	392.2	388.8	DGT
13	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	121	293.3	293.3	DTL
14	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	124	182.6	176.1	DTL
15	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	129	522.7	505.6	LUC
16	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	156	11636.6	192.9	DGT
17	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	161	2348.1	2332.7	DGT
18	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	162	507.8	507.8	DGT
19	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	170	709.4	709.4	DTL
20	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	190	3227.9	3175.1	LUC
21	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	198	199.6	198.5	DTL
22	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	216	257.3	118.9	DTL
23	UBND thị trấn Thọ Xuân		19	228	273.1	231.0	LUC
24	Hộ ông Nguyễn Sỹ Chương	Đồng Thôn	17	325	2473	914.6	LUC
25	Hộ bà Trần Thị Sáu	Đồng Thôn	17	331	1536.9	363.2	LUC
26	Ông Lê Hữu Hùng	Đồng Thôn	17	332	1247.7	31.5	LUC
27	Hộ ông Nguyễn Khắc Biên	Đồng Thôn	17	340	1079.4	531.0	LUC
28	Hộ ông Nguyễn Đình Phiên	Đồng Thôn	17	352	1321.4	954.6	LUC
29	Hộ ông Nguyễn Sỹ Bình	Đồng Thôn	17	362	2702.7	1765.6	LUC
30	Ông Nguyễn Sỹ Phúc	Đồng Thôn	17	400	755.9	164.2	LUC
31	Ông Nguyễn Sỹ Thai	Đồng Thôn	17	401	512.4	177.5	LUC
32	Hộ ông Lê Hữu Lành	Đồng Thôn	19	9	1247.6	35.7	LUC
33	Hộ ông Lê Văn Lân	Đồng Thôn	19	12	2834.1	28.3	LUC

TT	Người đang sử dụng đất	Địa chỉ (Khu phố)	Tờ BD	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất theo hiện trạng đo đạc
34	Hộ ông Nguyễn Khắc Khải	Đồng Thôn	19	13	615.9	0.6	LUC
35	Bà Lê Thị Chiên	Đồng Thôn	19	20	811.2	408.1	LUC
36	Hộ ông Lê Hữu Cảnh	Đồng Thôn	19	23	767.2	696.8	LUC
37	Hộ ông Nguyễn Thế Hánh	Đồng Thôn	19	27	1210.6	1146.1	LUC
38	Bà Lê Thị Chiên	Đồng Thôn	19	30	425.1	299.4	LUC
39	Hộ bà Trịnh Thị Thìn	Đồng Thôn	19	38	2105.3	1585.1	LUC
40	Ông Nguyễn Đình Long	Đồng Thôn	19	40	858.1	744.8	LUC
41	Hộ ông Nguyễn Văn Nghị	Đồng Thôn	19	42	1066.4	1043.4	LUC
42	Hộ bà Nguyễn Thị Tâm	Đồng Thôn	19	48	534.1	532.8	LUC
43	Hộ ông Hoàng Trí Thạo	Đồng Thôn	19	49	2951.3	2951.3	LUC
44	Hộ ông Lê Công Thành	Đồng Thôn	19	51	1637.1	487.4	LUC
45	Hộ ông Nguyễn Đình Chiến	Đồng Thôn	19	62	1552.8	64.6	LUC
46	Hộ ông Nguyễn Đức Nguyên	Đồng Thôn	19	64	1290	65.3	LUC
47	Ông Hoàng Chí Nam	Đồng Thôn	19	65	1158.7	969.6	LUC
48	Hộ ông Nguyễn Đình Thọ	Đồng Thôn	19	66	1079.7	1079.7	LUC
49	Hộ ông Nguyễn Đức Hòe	Đồng Thôn	19	71	513.1	513.1	LUC
50	Hộ ông Hoàng Văn Hoa	Đồng Thôn	19	72	490.3	490.3	LUC
51	Bà Nguyễn Thị Uyển	Đồng Thôn	19	73	1444.4	1444.4	LUC
52	Hộ bà Nguyễn Thị Tâm	Đồng Thôn	19	74	2140	2140.0	LUC
53	Hộ ông Hoàng Trí Ngải	Đồng Thôn	19	75	1848.4	1848.4	LUC
54	Hộ ông Lê Kim Sáu	Đồng Thôn	19	76	248.6	248.1	LUC
55	Hộ ông Lê Kim Hải	Đồng Thôn	19	77	412.7	132.5	LUC
56	Hộ ông Hoàng Chí Thơm	Đồng Thôn	19	78	1142.9	426.7	LUC
57	Bà Cao Thị Tính	Đồng Thôn	19	79	595.5	126.7	LUC
58	Hộ ông Nguyễn Đức Quế	Đồng Thôn	19	88	1396.2	1050.2	LUC
59	Hộ ông Lê Kim Hải	Đồng Thôn	19	89	949.3	949.3	LUC
60	Hộ ông Nguyễn Đình Chúc	Đồng Thôn	19	90	1592.3	1592.3	LUC
61	Hộ ông Trịnh Đăng Chinh	Đồng Thôn	19	91	884.1	884.1	LUC
62	Hộ ông Hoàng Văn Luận	Đồng Thôn	19	92	535.4	535.4	LUC
63	Hộ ông Lê Văn Thạo	Đồng Thôn	19	93	511	511.0	LUC
64	Hộ ông Trịnh Đăng Nghinh	Đồng Thôn	19	94	293.9	293.9	LUC
65	Bà Nguyễn Thị Ngân	Đồng Thôn	19	101	1483.5	1483.5	LUC
66	Hộ ông Nguyễn Đức Thiệu	Đồng Thôn	19	102	1306.2	1306.2	LUC
67	Hộ ông Lê Tiến Ngọc	Đồng Thôn	19	103	394.9	394.9	LUC
68	Hộ ông Trịnh Viết Dịu	Đồng Thôn	19	104	406.1	406.1	LUC
69	Hộ ông Nguyễn Đình Thắng	Đồng Thôn	19	105	1726.9	1726.9	LUC

TT	Người đang sử dụng đất	Địa chỉ (Khu phố)	Tờ BD	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất theo hiện trạng đo đạc
70	Ông Lê Văn Toán	Đồng Thôn	19	107	1481.1	1481.1	LUC
71	Hộ ông Lê Văn Quân	Đồng Thôn	19	109	650.1	650.1	LUC
72	Hộ ông Hà Đình Bích	Đồng Thôn	19	110	724.7	724.7	LUC
73	Hộ ông Hà Đình Bích	Đồng Thôn	19	111	1071.5	1071.5	LUC
74	Hộ ông Lê Văn Dũng	Đồng Thôn	19	115	1592.5	836.2	LUC
75	Hộ ông Hoàng Văn Sự	Đồng Thôn	19	116	1375.2	1375.2	LUC
76	Hộ ông Nguyễn Văn Năm	Đồng Thôn	19	117	993.1	993.1	LUC
77	Hộ bà Nguyễn Thị Liên	Đồng Thôn	19	118	556.7	556.7	LUC
78	Hộ ông Nguyễn Đình Giao	Đồng Thôn	19	119	596.9	596.9	LUC
79	Hộ ông Trịnh Đăng Võ	Đồng Thôn	19	120	782.7	782.7	LUC
80	Hộ ông Trịnh Quang Đầu	Đồng Thôn	19	122	538.8	538.8	LUC
81	Bà Trịnh Thị Vượng	Đồng Thôn	19	123	517.5	517.5	LUC
82	Hộ ông Hoàng Chí Thắng	Đồng Thôn	19	130	1401.1	1397.4	LUC
83	Hộ ông Trịnh Đăng Khải	Đồng Thôn	19	131	556.4	556.4	LUC
84	Bà Lê Thị Tước	Đồng Thôn	19	132	508.7	508.7	LUC
85	Hộ ông Lê Văn Hưng	Đồng Thôn	19	133	1084.3	1084.3	LUC
86	Hộ ông Lê Văn Bính	Đồng Thôn	19	135	1403.9	1403.9	LUC
87	Bà Trịnh Thị Luyên	Đồng Thôn	19	136	1383.6	1383.6	LUC
88	Bà Hoàng Thị Bích	Đồng Thôn	19	137	437.2	437.2	LUC
89	Bà Hoàng Thị Bích	Đồng Thôn	19	138	1261.5	1261.5	LUC
90	Hộ ông Nguyễn Xuân Sơn	Đồng Thôn	19	144	2833.5	192.1	LUC
91	Hộ ông Nguyễn Đức Thanh	Đồng Thôn	19	145	1774.2	1774.2	LUC
92	Hộ ông Nguyễn Ngọc Tuyền	Đồng Thôn	19	146	2421.1	2421.1	LUC
93	Bà Cao Thị Tính	Đồng Thôn	19	147	694.9	694.9	LUC
94	Hộ ông Nguyễn Đức Thiệu	Đồng Thôn	19	148	1127.4	1127.4	LUC
95	Hộ ông Hoàng Văn Trường	Đồng Thôn	19	149	795.9	795.9	LUC
96	Hộ ông Nguyễn Ngọc Sử	Đồng Thôn	19	157	808.5	700.3	LUC
97	Hộ ông Hà Đình Ngà	Đồng Thôn	19	158	622.8	622.8	LUC
98	Hộ bà Trịnh Thị Quyết	Đồng Thôn	19	159	671.5	671.5	LUC
99	Hộ ông Trịnh Viết Dục	Đồng Thôn	19	160	749.1	749.1	LUC
100	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Đồng Thôn	19	163	1752.7	1752.7	LUC
101	Hộ ông Nguyễn Xuân Sơn	Đồng Thôn	19	168	1719.8	1201.8	LUC
102	Ông Trịnh Viết Hát	Đồng Thôn	19	169	1408.9	1408.9	LUC
103	Hộ ông Trịnh Xuân Đức	Đồng Thôn	19	171	1555.5	1555.5	LUC
104	Hộ ông Trịnh Đăng Phụng	Đồng Thôn	19	172	771.7	771.7	LUC
105	Hộ ông Nguyễn Đình Tuấn	Đồng Thôn	19	173	1084.4	1084.4	LUC

TT	Người đang sử dụng đất	Địa chỉ (Khu phố)	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất theo hiện trạng đo đạc
106	Bà Hoàng Thị Thao	Đồng Thôn	19	174	1328.2	1316.9	LUC
107	Ông Lê Văn Toán	Đồng Thôn	19	189	352.9	342.6	LUC
108	Hộ ông Hoàng Văn Bằng	Đồng Thôn	19	191	827	827.0	LUC
109	Hộ ông Nguyễn Văn Hải	Đồng Thôn	19	192	1847.4	1847.4	LUC
110	Bà Nguyễn Thị Đô	Đồng Thôn	19	193	1790.8	1229.8	LUC
111	Bà Nguyễn Thị Hà	Đồng Thôn	19	197	1378.4	1204.0	LUC
112	Bà Nguyễn Thị Ngân	Đồng Thôn	19	199	452.2	452.2	LUC
113	Hộ ông Nguyễn Đình Chúc	Đồng Thôn	19	200	836.7	773.5	LUC
114	Hộ ông Trịnh Đăng Phụng	Đồng Thôn	19	212	1532	1532.0	LUC
115	Bà Lê Thị Ư	Đồng Thôn	19	213	2343.2	2336.4	LUC
116	Hộ bà Nguyễn Thị Ngải	Đồng Thôn	19	217	942	942.0	LUC
117	Hộ ông Trịnh Đăng Nghinh	Đồng Thôn	19	218	817.7	816.0	LUC
118	Hộ ông Nguyễn Đức Hiệp	Đồng Thôn	19	229	3566.7	3509.1	LUC
119	Bà Trịnh Thị Thảo	Đồng Thôn	19	234	1681.6	89.9	LUC
120	Hộ ông Nguyễn Vũ Viễn	Đồng Thôn	19	245	1015.2	295.0	LUC
121	Hộ ông Lê Văn Ban	Đồng Thôn	19	246	708	164.2	LUC
122	Hộ ông Nguyễn Khắc Đôn	Đồng Thôn	19	247	1477.6	239.0	LUC
123	Hộ ông Nguyễn Trọng Phùng	Đồng Thôn	19	251	761.5	291.3	LUC
124	Hộ ông Nguyễn Văn Chinh	Đồng Thôn	19	252	1155.8	731.0	LUC
125	Bà Nguyễn Thị Sính	Đồng Thôn	19	322	1000.6	1000.6	LUC
126	Bà Hoàng Thị Ân	Đồng Thôn	19	324	716	716.0	LUC
127	Hộ ông Lê Văn Xuân	Đồng Thôn	19	325	1002.6	548.1	LUC
128	Hộ ông Lê Văn Dân	Đồng Thôn	19	326	901.2	901.2	LUC
129	Hộ ông Nguyễn Khắc Phấn	Đồng Thôn	19	338	2104.2	442.8	LUC
Tổng cộng						108.143,5	

- Vị trí thửa đất thu hồi: Được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 609/TLBĐ, tỷ lệ 1/2.000 do Văn phòng ĐKĐĐ Thanh Hoá thực hiện ngày 26/8/2022

Ghi chú: Loại đất, người sử dụng đất được bồi thường căn cứ vào giấy tờ về quyền sử dụng đất và kết quả xác định nguồn gốc của UBND thị trấn Thọ Xuân.

4. Tiến độ thu hồi đất: Sau thời gian 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp kể từ ngày nhận được Thông báo thu hồi đất.

5. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Dự kiến từ ngày 15/02/2025 đến 28/02/2025.

6. Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất: Không thuộc diện phải di chuyển chỗ ở.

7. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Thọ Xuân, các đơn vị liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất đối với từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi khu đất thu hồi thực hiện dự án; tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ GPMB của dự án, đảm bảo theo quy định pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện:

- Thông báo thu hồi đất có hiệu lực 12 tháng tính từ ngày ban hành; thay thế Thông báo số 223/TB-UBND, số 224/TB-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện Thọ Xuân.

- UBND thị trấn Thọ Xuân: Gửi thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình, cá nhân đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Thọ Xuân và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của trung ương và tỉnh trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và tỉnh Thanh Hoá 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Thọ Xuân, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi: Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp người có đất thu hồi không phối hợp điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chuẩn bị hồ sơ, đề nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Hội đồng BT.HT&TĐC dự án;
- Các phòng, ngành có liên quan;
- UBND thị trấn Thọ Xuân;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Dũng